TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/DS-ST.
Ngày 19-9-2018.
V/v "*Tranh chấp hợp đồng mua bán và vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Công Lý.

- Ông Trần Văn Dá.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Huỳnh Ni – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2018/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2018 về việc *tranh chấp hợp đồng mua bán và vay tài sản*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2018/QĐXX-ST ngày 27/8/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Lý Thị S,** sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư **Phạm Minh T** - Văn phòng luật sư H thuộc đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, thị trấn B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: 1. Ông **Quách Kim H**, sinh năm 1974 (vắng mặt)

2. Bà **Tô Thị N**, sinh năm 1974 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, thị trấn B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 3 năm 2018 cũng như tại phiên toà sơ thẩm nguyên đơn bà Lý Thị S trình bày:

Bà N và ông H có mua vật tư nông nghiệp để phục vụ gia đình, thoả thuận lãi xuất 2,0% tháng, cuối vụ thanh toán cả vốn và lãi, nhưng bà N không thanh toán đủ, còn nợ tổng cộng 245.198.000 đồng đến nay chưa thanh toán.

Ngoài ra vợ chồng bà N có vay tiền nhiều lần kể từ ngày 03/12/2015 đến ngày 03/8/2016 tổng cộng số tiền 344.048.000 đồng, thoả thuận lãi suất 2,5%/tháng nhưng từ khi vay đến nay không trả lãi cũng không trả vốn.

Tại phiên toà bà rút lại yêu cầu thanh toán tiền vật tư nông nghiệp, chỉ yêu cầu buộc bà N và ông H trả cho bà tiền vay theo sổ vay tiền do bà N cung cấp và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 20%/năm của khoản vay cho đến nay. Cụ thể các khoản vay như sau:

- Ngày 21/02/2016 âm lịch vay 2.000.000 đồng.
- Ngày 04/6/2016 âm lịch vay 500.000 đồng.
- Ngày 12/6/2016 âm lịch vay 3.000.000 đồng.
- Ngày 28/6/2016 âm lịch vay 800.000 đồng.
- Ngày 12/7/2016 âm lịch vay 1.000.000 đồng.
- Ngày 03/12/2016 âm lịch vay 65.000.000 đồng.
- Ngày 04/12/2016 âm lịch vay 15.000.000 đồng.
- Ngày 07/12/2016 âm lịch vay 125.748.000 đồng.
- Ngày 09/12/2016 âm lịch vay 125.000.000 đồng.

Yêu cầu Toà án giải quyết buộc trả tổng cộng 453.172.000 đồng (trong đó vốn 338.048.000 đồng và lãi 115.124.000 đồng).

Bị đơn bà N trình bày: Bà thừa nhận có mua vật tư nông nghiệp nhưng cho rằng đã thanh toán hết không còn nợ.

Về số tiền vay chỉ thừa nhận vay tổng cộng 330.748.000 đồng, bà cho rằng tiền vay bắt đầu từ năm 2015, vay nhiều lần nhưng sang năm 2016 có vay thêm và cụ thể các lần vay bà không nhớ nhưng hai bên kết tính gộp các khoản vay lại thành 04 khoản vay như sau:

- Ngày 03/12/2016 âm lịch vay 65.000.000 đồng.
- Ngày 04/12/2016 âm lịch vay 15.000.000 đồng.
- Ngày 07/12/2016 âm lịch vay 125.748.000 đồng.
- Ngày 09/12/2016 âm lịch vay 125.000.000 đồng.
- Còn các khoản vay còn lại theo sổ bà cung cấp là bà đã trả xong.

Kể từ ngày kết tính thành 04 khoản vay nêu trên bà không có trả lãi, vốn cho bà S cho đến nay.

Nay chỉ đồng ý trả tiền vay là 330.748.000 đồng, xin trả dần 20.000.000 đồng/vụ lúa 04 tháng và xin không trả lãi vì không còn khả năng thanh toán.

Bị đơn ông Quách Kim H trình bày: Thống nhất ý kiến của vợ ông là bà N, tuy nhiên việc vay nợ là ông không biết, sau này bà N mới nói cho ông biết việc vay là do làm ăn thua lỗ nên vay để trả nợ. Nay ông thống nhất trả nợ và trả theo ý kiến như trên của bà N.

Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng với các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Qua chứng cứ và kết quả tranh tụng tại tòa có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả vốn và lãi tiền vay, đình chỉ yêu cầu khởi kiện tiền mua bán vật tư nông nghiệp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng Toà án tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, thông báo mở phiên hoà giải và công khai tài liệu chứng cứ, triệu tập tham gia phiên toà nhưng bị đơn ông Quách Kim H vắng mặt không có lý do, nhận thấy đây là phiên toà lần thứ hai, đương sự đã được triệu tập hợp lệ, căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Quách Kim H.

[2] Tại phiên toà nguyên đơn bà S thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện, theo đơn khởi kiện là yêu cầu trả tiền vay, tiền mua vật tư nông nghiệp và tính lãi 2,5%/tháng, nay chỉ yêu cầu các bị đơn trả tiền vay, yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 20%/ năm của khoản vay. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện, thay đổi một phần nội dung khởi kiện nêu trên của nguyên đơn là không vượt phạm vi khởi kiện ban đầu. Căn cứ điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét việc nguyên đơn yêu cầu trả tiền vay tổng cộng 338.048.000 đồng, bị đơn bà N thừa nhận số tiền vay như nguyên đơn trình bày. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự tình tiết, sự kiện nêu trên thuộc trường hợp không phải chứng minh. Tuy nhiên bị đơn cho rằng chỉ còn nợ lại 04 khoản vay là 330.748.000 đồng còn các khoản vay khác tổng cộng 7.300.000 đồng đã trả xong nhưng bà S không thừa nhận và bà N không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Do vậy Hội đồng xét xử buộc bị đơn bà N có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vay là 338.048.000 đồng. Về yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng mức lãi suất thoả thuận giữa các bên 2,5%/tháng là vượt mức quy định của pháp luật. Tại phiên toà nguyên đơn đã thay đổi mức lãi suất, yêu cầu tính lãi 20%/năm của khoản vay là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Bị đơn yêu cầu không tính lãi, nguyên đơn không đồng ý, căn cứ điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định bên vay phải có nghĩa vụ lãi, do vậy Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm của khoản vay, tổng số tiền lãi phải trả là:115.124.000 đồng.

[4] Xét về trách nhiệm liên đới trả tiền, nguyên đơn bà Lý Thị S yêu cầu các bị đơn bà Tô Thị N và ông Quách Kim H cùng có trách nhiệm trả tiền vay. Ông H trình bày việc vay tiền là do bà N vay ông không biết, tuy nhiên ông đồng ý cùng có trách nhiệm trả nợ với bà N, Hội đồng xét xử xét thấy bà N là người trực tiếp vay tiền nhưng mục đích sử dụng cho kinh tế gia đình, do làm ăn thất bại dẫn đến phải vay nợ lấp trả và không thanh toán được. Do vậy ông H và bà N cùng có trách nhiệm trả tiền vay là phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: số tiền 22.127.000 đồng bà N và ông H có trách nhiệm liên đới cùng chịu, hoàn trả bà S số tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 357, 463 466 và 468 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Buộc bà Tô Thị N và ông Quách Kim H cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lý Thị S tổng số tiền 453.172.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ thi hành án không chịu thi hành trả số tiền nêu trên cho người được thi hành án thì người có nghĩa vụ thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi chậm trả bằng 50% mức lãi suất giới hạn của pháp luật quy định về lãi suất vay tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị S yêu cầu ông Quách Kim H và bà Tô Thị N trả tiền mua vật tư nông nghiệp.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà N và ông H liên đới nộp án phí số tiền 22.127.000 đồng.

Hoàn trả bà S tiền tạm ứng án phí 17.873.100 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009174 ngày 05/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị.

Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trịnh Thị Bích Phượng